

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM YÊN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2021/HS-ST**  
Ngày 18-02-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Mạc Văn Tuyến.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1- Ông Hoàng Văn Bốn - Cán bộ hưu trí;

2- Bà Dương Thị Ninh - Giáo viên nghỉ hưu.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 83/2020/TLST-HS, ngày 25 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HS, ngày 04 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

**ĐẶNG VĂN M** (tên gọi khác: Đặng Văn A), sinh ngày 22/8/1992, tại huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đặng Văn Th, sinh năm 1964 và con bà Lý Thị Á, sinh năm 1964. Vợ, con: Chưa có.

Tiền sự: Không

Nhân thân:

- Bản án số 09/2010/HSST ngày 23/3/2010 của TAND huyện Yên Sơn xử phạt Đặng Văn M 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (*trị giá tài sản trộm cắp 8.090.000đ*).

- Bản án số 69/2010/HSST ngày 29/10/2010 của TAND huyện Yên Sơn xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (*trị giá tài sản trộm cắp 1.500.000đ*). Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 69, Điều 74 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tiền án: Có 04 tiền án

- Bản án số 32/2011/HSST ngày 22/9/2011 của TAND huyện Hàm Yên xử phạt 17 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (*trị giá tài sản trộm cắp 13.259.000đ*); 06 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam, giữ. Áp dụng khoản 1 Điều 138; khoản 1 Điều

311; đoạn 1 điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; đoạn 1, đoạn 2 điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, áp dụng thêm Điều 18; khoản 1, 3 Điều 52 BLHS với tội trốn khỏi nơi giam giữ. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 23 tháng tù;

- Bản án số 89/2013/HSST ngày 30/9/2013 của TAND thành phố Tuyên Quang xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản trộm cắp 12.390.000đ). Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS;

- Bản án số 61/2013/HSST ngày 27/12/2013 của TAND huyện Hàm Yên xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản trộm cắp 1.900.000đ). Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; đoạn 2 điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51 BLHS. Tổng hợp với hình phạt 03 năm tù tại bản án số 89/2013/HSST ngày 30/9/2013 của TAND Tp. Tuyên Quang. Đặng Văn M phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 04 năm tù (*chấp hành xong các quyết định của Bản án ngày 28/5/2017*);

- Bản án số 54/2017/HSST ngày 18/9/2017 của TAND huyện Yên Sơn xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản trộm cắp 12.000.000 đồng). Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 138; Điều 33; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự (*chấp hành xong án phí HSST ngày 09/11/2017; chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/5/2020*);

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/10/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị hại*: Ông Bùi Đăng N, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Chị Ma Thị X, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Tổ dân T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người làm chứng*: Anh Mạc Ngọc H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Ông N, chị X và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 18/10/2020, Đặng Văn M, sinh năm 1992, trú tại thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đi xe buýt từ nhà đến khu vực ngã ba Km 39 thuộc tổ dân phố T, thị trấn Y, huyện Y. Sau đó, M đi nhờ xe mô tô của một người đàn ông không quen biết đến khu vực chợ trung tâm xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái chơi bi a. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, do không còn tiền nên M đi bộ từ chợ xã Cẩm Nhân theo hướng về ngã ba Km39 QL2 Tuyên Quang - Hà Giang, đến khoảng 00 giờ ngày 19/10/2020, trên đường về đến nhà ông Bùi Đăng N, sinh năm 1960, trú tại thôn C, xã M, huyện Y, M phát hiện nhà ông N vẫn bật đèn, cửa mở nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, M đi theo đường mòn bên trái theo hướng từ ngoài đường vào nhà, qua vườn rau vào cửa chính đến gian khách của ngôi nhà, quan sát thấy không có người và nhìn thấy 01 chiếc điện thoại di động để trên bàn uống nước trong phòng khách, M cầm cho vào trong túi

quần bên phải rồi đi theo lối cũ đi ra ngoài và đi về nhà. Khi về đến nhà, M tháo chiếc sim của chiếc điện thoại ra và lắp sim của M vào để sử dụng. Khoảng 11 giờ ngày 22/10/2020, M tiếp tục đi xe buýt từ nhà đến khu vực ngã ba Km 39, rồi đi nhờ xe mô tô của một người đàn ông không quen biết đến khu vực chợ trung tâm xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái chơi bi a, đến khoảng 14 giờ cùng ngày, M đi xe taxi của anh Mạc Ngọc H, sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố T, thị trấn Y về khu vực Km 39, sau đó M đã bán chiếc điện thoại trên tại cửa hàng DI ĐỘNG 39 của chị Ma Thị X, sinh năm 1994, trú tại TDP T, huyện Hàm Yên với giá 650.000đồng, M sử dụng số tiền trên để trả tiền taxi cho anh H hết 100.000 đồng, số tiền còn lại M tiêu sài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 26/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 28/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Hàm Yên, kết luận: 01 Điện thoại di động, nhãn hiệu Realme C1, màn hình màu đen, mặt sau màu xanh biển và có dòng chữ realme, số IMEI1: 864097048340633, số IMEI2: 864097048340625, có trị giá tại thời điểm ngày 19/10/2020 là: 1.540.475đồng (*Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn bốn trăm bảy lăm đồng*).

Cáo trạng số 03/CT-VKSHY, ngày 24/12/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên đã truy tố Đặng Văn M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với Đặng Văn M theo tội danh, Điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Đặng Văn M phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Điểm b Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 - Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Đặng Văn M từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

- *Về hình phạt bổ sung*: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với bị cáo.

- *Về dân sự*: Buộc bị cáo bồi thường số tiền theo yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Về vật chứng*: Không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có

ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đặng Văn M đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Ngoài lời khai nhận tội của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng lời khai của bị hại, lời khai của những người làm chứng cùng toàn bộ những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên đây đã có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 00 giờ ngày 19/10/2020, tại nhà ở của ông Bùi Đăng N, sinh năm 1960, trú tại thôn C, xã M, huyện Hàm Y: Đặng Văn M, trú tại thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang có 04 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, đã có hành vi trộm cắp của ông Bùi Đăng N 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Realme C1, màn hình màu đen, mặt sau màu xanh biển và có dòng chữ realme, số IMEI1: 864097048340633, số IMEI2: 864097048340625 có trị giá là: 1.540.475 đồng (*Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn bốn trăm bảy lăm đồng*).

Hành vi của bị cáo Đặng Văn M đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Đặng Văn M về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” là đúng người, đúng tội.

[3] *Xét về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo:* Vì mục đích vụ lợi bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương và trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác. Bị cáo có nhân thân xấu đã nhiều lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản, nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần phải có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp.

[4] *Về hình phạt bổ sung:* Do bị cáo không có tài sản gì có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại là ông Bùi Đăng N không có yêu cầu bồi thường về phân dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Ma Thị X (chủ cửa hàng DI ĐỘNG 39) yêu cầu bị cáo Đặng Văn M bồi thường số tiền 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng), bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của chị X, nhưng chưa bồi thường.

[6] *Về vật chứng*: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hàm Yên đã tạm giữ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Realme C1, màn hình màu đen, mặt sau màu xanh biển và có dòng chữ realme, số IMEI1: 864097048340633, số IMEI2: 864097048340625. Ngày 06/11/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Hàm Yên đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Bùi Đăng N theo Quyết định xử lý vật chứng số 38 ngày 06/11/2020, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với bà Ma Thị X đã mua chiếc điện thoại di động do Đặng Văn M trộm cắp mà có, tuy nhiên khi mua điện thoại của Đặng Văn M chị Xoay không biết đó là tài sản trộm cắp do đó không có căn cứ xem xét, xử lý trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 173 của Bộ luật hình sự:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn M (tên gọi khác: Đặng Văn An) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng: Điểm b Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 - Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đặng Văn M 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (30/10/2020).

2. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 - Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Ma Thị Xoay với tổng số tiền là 650.000đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Khoản tiền phải bồi thường kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và chị Ma Thị X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm bồi thường thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm bồi thường tương ứng với thời gian chậm bồi thường. Lãi suất chậm bồi thường thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Áp dụng các Điều 136, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hay niêm yết bản án./.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án. Người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án phải chấp hành*

*việc thi hành án, nếu không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- CQĐT Công an huyện Y;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục T.H.A DS huyện Y;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mạc Văn Tuyến**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Văn Bốn – Dương Thị Ninh**

**Mạc Văn Tuyển**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- CQĐT Công an huyện Hàm Yên;
- CQTHAHS Công an huyện Hàm Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục T.H.A DS huyện Hàm Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mạc Văn Tuyên**





















